TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 30 - 7 - 2026
"V/v tranh chấp ly hôn; chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Châu

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2026/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn; nuôi con; chia tài sản chung khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Số nhà E, khóm M, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị M – Là luật sư của Chi nhánh Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số D, đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1959 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: số E, khóm M, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số nhà F, Đường số F, Khu phố G, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền về tranh chấp tài sản của bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, khóm V, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn C: Luật sư Nguyễn Minh T2, là Luật sư của văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lê Thị Việt H, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Số nhà E, khóm M, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị Việt H: Luật sư Lê Thị M – Là luật sư của Chi nhánh Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số D, đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông Lê Quốc H1, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: số D, Ngõ E, đường L, phường T, tỉnh Hà Tỉnh.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05/3/2025 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Chung kết H2 năm 1994, chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, hiện nay bà và ông C đã sống ly thân. Vì vậy, bà xin ly hôn với ông Lê Văn C; bà và ông C sống với nhau có 02 người con chung tên Lê Thị Việt H, sinh năm 1994 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết và Lê Trung K, sinh ngày 14/4/2009, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu K, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Thời gian chung sống ông, bà có tạo lập tài sản chung gồm: Căn nhà số E, gắn liền với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 09, diện tích 91,3m^2, tọa lạc tại phường T (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long, trị giá 432.214.200 đồng; Thửa đất số 60 và thửa đất số 72, cùng tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã T (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long, trị giá 1.035.797.000 đồng; Căn nhà số F, gắn liền với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 140, tọa lạc tại phường B, quận B (nay là phường B), thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 4.550.795.440 đồng; một xe môtô hiệu Vision biển kiểm soát số 64B2- 296.13, ông C đang quản lý sử dụng, trị giá 10.000.000 đồng. Còn lại một xe môtô hiệu Dream, biển kiểm soát số 64F- 1241; một xe môtô hiệu YMH, biển kiểm soát số 64FC- 3838, bà T đang quản lý sử dụng bà rút lại không yêu cầu. Yêu cầu giải quyết xe môtô hiệu Vision cho ông C quản lý sử dụng hoàn lại giá trị cho bà; Thửa đất số 60 & 72, cùng tờ bản đồ 09, tọa lạc tại xã T (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long chia ½ giá trị, bà nhận hiện vật hoàn giá trị cho ông C; Căn nhà số E gắn liền thửa đất số 124, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường T (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long, yêu cầu chia ba phần, bà và con gái (chị H) nhận hai phần và hoàn lại giá trị cho ông C một phần; Căn nhà gắn liền thửa đất số 45, tờ bản đồ 140, tọa lạc tại phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu chia ½ giá trị, bà nhận hiện vật

hoàn giá trị cho ông C. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Lê Văn C trình bày:

Về hôn nhân ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ gia đình; trường hợp Tòa án cho ly hôn thì tất cả tài sản ông đồng ý chia, nhưng ông yêu cầu được nhận 02 phần, bà T một phần theo giá trị định giá; về con chung, trường hợp chấp nhận cho ly hôn thì ông đồng ý để bà T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Chị Lê Thị Việt H trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà T về tài sản chung đối với căn nhà số E gắn liền thửa đất số 124, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường T (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu được hưởng 01 phần bằng 144.071.400 đồng (tương đương 1/3 giá trị, theo giá định giá các bên thỏa thuận), nhưng chị đồng ý để chung với tài sản cùng bà T, không yêu cầu nhận giá trị bằng tiền.

Ông Lê Quốc H1 được triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 59; Điều 62; các Điều 81, 82; 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 26 và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn ông Lê Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Trung K, sinh ngày 14/4/2009 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với ông C, nhưng nếu ông C lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với ông Lê Văn C.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự thỏa thuận, ông Lê Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Lê Trung K) mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực, pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

4. Về chia tài sản chung: Chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T và chị Lê Thị Việt H, được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản là Căn nhà số E, gắn liền với thửa đất số 124, tờ bản đồ

số 09, tọa lạc tại phường T (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 749454, do UBND thành phố V (cũ) cấp ngày 11/9/2014);

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản gồm, Thửa đất số 60 & 72, cùng tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã T (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long (các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 983309 và DG 983310, do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh V cấp cùng ngày 15/10/2022).

- Ông Lê Văn C được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt các tài sản gồm: Căn nhà số F, gắn liền với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 140, tọa lạc tại phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 347719, do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 13/10/2016); một xe môtô hiệu Vision biển kiểm soát số 64B2- 29613 (Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 117268 ký ngày 16/12/2019).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T; chị Lê Thị Việt H và ông Lê Văn C được quyền liên hệ với Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu đúng theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Lê Văn C có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc T giá trị chênh lệch chia tài sản, với số tiền 1.546.392.120 đồng (*một tỉ năm trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm chín mươi hai ngàn một trăm hai mươi đồng*).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 31/12/2025, ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 132/2025/HNGĐ-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long: Ông Lê Văn C không đồng ý ly hôn, không đồng ý chia tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày bà và ông C sống với nhau từ năm 1992, chung sống tại thửa đất số 124, đến năm 1994 đăng ký kết hôn. Bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Thửa đất số 124 chỉ định giá đất, không định giá nhà là vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có quyền sở hữu nhà, bà không yêu cầu định giá nhà trên thửa đất số 124.

- Bị đơn ông Lê Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo: Ông C cho rằng vợ chồng vẫn chung sống với nhau, ông hiện nay sống ở thửa đất tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn đi về nhà ở Vĩnh Long, hiện nay ông đã lớn tuổi, muốn hàn gắn gia đình để có người trò chuyện, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chung sống từ năm 1992, đến năm 1994 đăng ký kết hôn. Ông không đồng ý ly hôn, trường hợp phải ly hôn thì thửa đất số 60 và 72 là tài sản chung, còn thửa đất số 124 và 45 là tài sản riêng của ông, thửa đất số 124 có căn nhà thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Việt H đồng ý với yêu cầu của bà T.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc T và chị Lê Thị Việt H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn C trình bày: Ông C có nguyện vọng không ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì khi chia tài sản đề nghị xem xét đến công sức đóng góp tài sản của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn C: Sửa một phần án sơ thẩm số 132/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 31/12/2025 của ông Lê Văn C còn trong thời hạn theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên được giải quyết vắng mặt theo quy định Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn C có tờ tường trình là ông bị nặng tai nhưng vẫn nghe được, không có giấy chứng nhận của cơ quan chức năng về việc ông bị điếc nên ông không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền trợ giúp pháp lý cho ông. Vì vậy, ông C không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý.

[2] Về nội dung:

Cấp sơ thẩm có những vi phạm, thiếu sót như sau:

Tài sản đang tranh chấp gồm:

1. Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 140, diện tích 84,3m^2 (đất ở 48,5m^2, đất trồng lúa nước còn lại 35,8m^2); nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 42,3m^2, diện tích sàn 138,3m^2; địa chỉ 65/15, đường số F, khu phố G, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Ngọc H3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp giấy chứng nhận ngày 18/10/2016. Tại mục IV trang 3 Giấy chứng nhận ghi nhận ngày 14/11/2016 chuyển nhượng cho ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 9, diện tích 91,3m^2 đất ở tại nông thôn, địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Lê Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận ngày 10/9/2014.

3. Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 9, diện tích 958,4m^2, đất trồng lúa, địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, do hộ bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp Giấy chứng nhận ngày 25/10/2022.

4. Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 9, diện tích 6136,1m^2, đất trồng lúa, địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, do hộ bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp Giấy chứng nhận ngày 25/10/2022.

5. Một xe môtô hiệu Vision biển kiểm soát số 64B2- 296.13.

Hiện nay bà T đang quản lý sử dụng các thửa đất số 124, 72, 60; ông C đang quản lý sử dụng thửa đất số 45 và xe môtô hiệu Vision biển kiểm soát số 64B2- 296.13.

Bà T có yêu chia tài sản gồm: Căn nhà số E gắn liền thửa đất số 124, tờ bản đồ số 09, tọa lạc phường T (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long (chia làm 03 phần gồm ông C, bà và chị H) và hai thửa đất số 60 & 72, cùng tờ bản đồ 09, tọa lạc tại xã T (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long; Căn nhà số F gắn liền thửa đất số 45, tờ bản đồ số 140, tọa lạc tại phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (bà T yêu cầu chia làm hai phần, bà đồng ý ông C nhận hiện vật và ông C trả giá trị cho bà); một xe môtô hiệu Vision biển kiểm soát số 64B2-29613 (giao cho ông C, ông hoàn lại giá trị cho bà).

Hội đồng xét xử nhận thấy,

- Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 9, diện tích 91,3m^2 đất ở tại nông thôn, địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Lê Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận ngày 10/9/2014. Đơn xin đăng ký Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở được thể hiện, Căn nhà số E gắn liền thửa đất số 124, tờ bản đồ số 09, tọa lạc phường T (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long là cấp cho H4 gồm có ông C,

bà T và chị H. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V thông tin thửa đất số 124, tờ bản đồ số 9 có nguồn gốc là thửa đất số 148, tờ bản đồ số 6, diện tích 88,5m^2, loại đất T, do hộ Lê Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thị xã V cấp ngày 25/8/2004, đến năm 2014 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 124. Như vậy, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị H còn nhỏ, sống phụ thuộc vào gia đình nhưng cấp sơ thẩm chia thửa đất số 124 ông C, bà T, chị H là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà T và ông C đều thừa nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 1992 tại căn nhà trên thửa đất số 124 nên có căn cứ xác định thửa đất số 124 là tài sản chung của ông C và bà T.

Chứng thư thẩm định giá số 187/2025/CT.HCM ngày 11/8/2025 của Chi nhánh Công ty TNHH K1 – thẩm định giá và tư vấn E tại thành phố Hồ Chí Minh đối với tài sản thẩm định giá là quyền sử dụng đất số 124, tờ bản đồ số 9, tại địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long); Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 60, 72, tờ bản đồ số 9, tại địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); quyền sử dụng đất và công trình xây dựng thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 140, tọa lạc tại 65/15, đường số F, khu phố G, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh). Giá trị tài sản thửa đất số 124, tờ bản đồ số 9, tại địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long) quyền sử dụng đất ở đô thị diện tích 91,30m^2 x 4.734.000 đồng = 432.214.200 đồng. Thửa đất số 60, 72, tờ bản đồ số 9, tại địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) quyền sử dụng đất lúa diện tích 7094,50m^2 x 146.000 = 1.035.797.000 đồng. Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 140, tọa lạc tại 65/15, đường số F, khu phố G, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh) quyền sử dụng đất ODT diện tích 48,50m^2 x 53.040.000 đồng = 2.572.440.000 đồng; quyền sử dụng đất LUA diện tích 35,80m^2 x 28.000.000 đồng = 1.002.400.000 đồng; Công trình xây dựng là 975.955.440 đồng.

Cấp sơ thẩm lấy giá nêu trên làm căn cứ để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chứng thư thẩm định giá tài sản thửa đất số 124, tờ bản đồ số 9, tại địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long) chỉ định giá đất, chưa định giá nhà và vật kiến trúc trên đất nhưng cấp sơ thẩm đã giải quyết giao đất và nhà cho bà T và chị H quản lý sử dụng là chưa giải quyết hết vụ án làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết căn nhà trên thửa đất số 124, ông C yêu cầu giải quyết căn nhà trên thửa đất số 124 theo quy định của pháp luật nên cấp phúc thẩm không thể bổ sung, sửa chữa được và để đảm bảo quyền lợi của các đương sự được hai cấp xét xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Bản án Tòa án cấp sơ thẩm bị hủy nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết nội dung khác trong vụ án và sẽ được xem xét khi giải quyết lại tại cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân

sự phúc thẩm.

[5] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị sửa bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 29/2026/DS-ST ngày 18/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử vụ án "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn", giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T với bị đơn là ông Lê Văn C.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND khu vực 1: 01;
- Phòng THADS khu vực 1: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông Ngô Thị Kim Châu **Nguyễn Văn Dũng**